

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1987. Vắng mặt

**** Bị đơn:*** Anh Đinh Văn G, sinh năm 1989. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:

Chị H và anh Đinh Văn G tự nguyện về chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại ủy ban nhân dân (UBND) xã T vào năm 2012. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 11/2020 thì chị H và anh G không còn chung sống với nhau nữa, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị H thấy hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị H và anh G có 02 người con chung là Đinh Văn K– sinh ngày 27/11/2007 và Đinh Thị Như Y, sinh ngày 07/9/2010. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai hai vợ chồng không có nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 07/01/2022, bị đơn anh Đinh Văn G trình bày:

Anh G và chị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2012. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, đời sống vợ chồng không thể hàn gắn, không đạt được mục đích chung sống hạnh phúc. Hai vợ chồng có 02 người con là Đinh Văn K– sinh ngày 27/11/2007 và Đinh Thị Như Y, sinh ngày 07/9/2010. Tài sản chung: hai vợ chồng tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H và anh G được ly hôn. Giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đinh Văn G cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị H và anh G theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị H thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên, anh G và chị H thống nhất 02 vợ chồng tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Các bên đều thừa nhận trong quá trình chung sống thì

hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù anh G không trình bày ý kiến về việc có đồng ý ly hôn hay không nhưng thừa nhận các bên không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy mâu thuẫn của các bên đã nghiêm trọng, diễn ra một thời gian dài, anh G và chị H đã không còn chung sống với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị H và anh G đều thừa nhận có 02 con chung là Đinh Văn K– sinh ngày 27/11/2007 và Đinh Thị Như Y, sinh ngày 07/9/2010. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con còn anh G không thể hiện nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cả 02 con chung hiện nay đều đang sống chung với chị H và có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị H khi anh G và chị H ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao 02 con chung cho chị H chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Chị H và anh G đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị H và anh Đinh Văn G.

Về con chung: Giao 02 con chung là Đinh Văn K– sinh ngày 27/11/2007 và Đinh Thị Như Y, sinh ngày 07/9/2010 cho chị Huỳnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị H phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013555 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Minh Hải